

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ B**  
**TỈNH ĐỒNG NAI**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **263/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 21-8-2018

V/v: *Không công nhận  
quan hệ vợ chồng*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA- TỈNH ĐỒNG NAI**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh Xuân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Chánh - Cán bộ hưu trí.

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – PCT Hội liên hiệp phụ nữ thành phố

B

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Hoàng Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1511/2018/TLST-HNGĐ ngày 25/6/2018 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 307/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 26/7/2018, giữa các đương sự:

**1.Nguyên đơn: Trần Thị Thùy T**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 55/56, tổ 16, ấp A, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**2.Bị đơn: Ông Nguyễn Trung H**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: 23A, tổ 5, khu phố M, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T, ông H có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị Thùy T trình bày:*** Bà và ông H tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2005 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống bất đồng, lối sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc, hiện ông bà đã sống ly thân. Bà và ông H đã cố gắng hòa giải và nhường nhịn nhau nhưng vẫn không thể hòa hợp với nhau nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Trung H, sinh ngày 02/10/2007 và Nguyễn Ngọc Khánh V, sinh ngày 25/9/2014. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, bà đồng ý giao cháu H cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời các bên không cấp dưỡng nuôi chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

**Tại bản tự khai bị đơn ông Nguyễn Trung H trình bày:** Ông và bà T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2005, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống với nhau không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình cả hai không hợp, ông bà thường hay cãi vã, gia đình không lúc nào êm ấm, hạnh phúc. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn thì ông nhận thấy hiện các con còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của cả ba lẫn mẹ nên ông không đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Trung H, sinh ngày 02/10/2007 và cháu Nguyễn Ngọc Khánh V, sinh ngày 25/9/2014. Ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, ông đồng ý giao cháu V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời các bên không cấp dưỡng nuôi chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà T, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông H, về con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc Khánh V, sinh ngày 25/9/2014 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 02/10/2007 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời các bên không cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung: đương sự trình bày là không có nên không đặt ra giải quyết. Bà T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị Thùy T nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Trung H, cư trú tại: 23A, tổ 5, khu phố M, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thùy T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trung H vì hiện cả hai đang sống ly thân, mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau còn ông H không đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Thùy T vì hiện hai con đang còn nhỏ cần có cha mẹ chăm sóc. Tuy nhiên việc bà T, ông H dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn Nhân và gia đình nhưng vẫn sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn Nhân và gia đình 2000, từ đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Thùy T và ông Nguyễn Trung H.

[3] Về con chung: Các bên thỏa thuận giao cháu Nguyễn Ngọc Khánh V, sinh ngày 25/9/2014 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 02/10/2007 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời các bên không cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, bà T, ông H vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà T, ông H được quyền thăm con, không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 68, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Áp dụng Điều 14, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 35/2000 ngày 09/6/2000; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thùy T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Thùy T và ông Nguyễn Trung H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Khánh V, sinh ngày 25/9/2014 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 02/10/2007 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời các bên không cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, bà T, ông H vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà T, ông H được quyền thăm con, không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí HNGĐ-ST: Bà Trần Thị Thùy T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn*) án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn*) tạm ứng án phí bà T đã nộp tại biên lai số 007696 ngày 12/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

6. Các đương sự được có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh (1);
- VKSND TP.B (2);
- THA dân sự (1);
- Đương sự (1);
- Lưu (3).

**Phạm Thị Thanh Xuân**

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thùy T.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Thùy T và ông Nguyễn Trung H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Khánh V, sinh ngày 25/9/2014 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 02/10/2007 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời các bên không cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, bà T, ông H vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung. Bà T, ông H được quyền thăm con, không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí HNGĐ-ST: Bà Trần Thị Thùy T phải chịu 300.000đ án phí, cần trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà T đã nộp tại biên lai số 007696 ngày 12/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Các đương sự được có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.